

Bản án số: 03/2018/KDTM-ST
Ngày 04-6-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Minh

Ông Đoàn Văn Thìn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2017/TLST-KDTM ngày 25 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A

Địa chỉ: Số 442 đường N, Phường 5, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Lê Hữu L; địa chỉ liên lạc: Số 10 P, quận H, thành phố Hà Nội, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 03/UQ-HAP 18 ngày 24 tháng 5 năm 2018). Có mặt.

2. Ông Đỗ Đại D; địa chỉ liên lạc: Số 69 Đ, phường M, quận H, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 03/UQ-HAP 18 ngày 24 tháng 5 năm 2018). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Minh Đ và bà Bùi Thị T; cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 2A Đ15, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số 98A K, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Bà Bùi Thị T ủy quyền cho ông Phạm Minh Đ (văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 3 năm 2018). Ông Đ và bà T đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình xét xử, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Theo đề nghị của ông Phạm Minh Đ và bà Bùi Thị T và qua quá trình thẩm định của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (sau đây viết tắt là A), ngày 24/01/2017, A cùng ông Phạm Minh Đ và bà Bùi Thị T ký Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số: HAP.CN.483.240117, Hợp đồng cấp tín dụng số: HAP.CN.484.240117 và Khế ước nhận nợ số: 01 (231265969). Cụ thể, A cho ông Đ và bà T vay số tiền là 860.000.000 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi triệu đồng chẵn*); thời hạn vay: 60 tháng (từ ngày 24/01/2017 đến ngày 24/01/2022); phương thức: Vay dài hạn; mục đích: Mua xe ô tô mới - Để sử dụng và kết hợp kinh doanh/cho thuê – Mua xe ô tô TOYOTA INNOVA V.Model TGN 140L-MUTHKU; Lãi suất vay được quy định: Lãi suất trong hạn: Lãi suất vay: 8,5%/năm, lãi suất vay (ngày): 14,4%/năm, lãi suất vay được cố định trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: $Lãi\ suất\ vay = LS13 + 3,7 + X$ (%/năm); lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay này ông Phạm Minh Đ và bà Bùi Thị T đã ký Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số: HAP.BĐCN.230.240117 ngày 24/01/2017 được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án ngày 24/01/2017, số đơn đăng ký: 1239279929.

Từ ngày vay vốn đến nay, ông Phạm Minh Đ và bà Bùi Thị T đã trả được cho A các khoản sau: Vốn gốc: 79.890.000 đồng; Lãi: 18.097.647 đồng; Chậm trả lãi: 2.274 đồng. Tổng cộng: 97.989.921 đồng.

Trong quá trình vay vốn, ông Phạm Minh Đ và bà Bùi Thị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngày 30/6/2017, A đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và ngày 31/7/2017, A đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu của Hợp đồng cấp tín dụng số: HAP.CN.484.240117/Khế ước nhận nợ số: 01 (231265969) ngày 24/01/2017 sang nợ quá hạn: Mức lãi suất vay áp dụng tại thời điểm này là 11.1%/năm nên lãi suất quá hạn là 16,65%/năm. Do vậy, tính đến ngày 04/6/2018, ông Phạm Minh Đ và bà Bùi Thị T còn nợ A số tiền gốc là 780.110.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 19.673.872 đồng, số tiền lãi quá hạn là 111.603.746 đồng, tổng cộng là 911.387.618 đồng và số tiền mà A đã bỏ ra mua bảo hiểm xe cho tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô TOYOTA INNOVA V.Model TGN 140L-MUTHKU theo Điều 3.1 tại Bản thỏa thuận ngày 24/01/2017 là 3.300.000 đồng.

Nay A yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Phạm Minh Đ và bà Bùi Thị T trả cho A tổng dư nợ còn thiếu (gồm vốn gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn) tính đến ngày 04/6/2018 là 911.387.618

đồng (Bằng chữ: Chín trăm mười một triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm mười tám đồng); tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 05/6/2018 đến ngày ông Phạm Minh Đ và bà Bùi Thị T trả hết nợ.

2. Buộc ông Phạm Minh Đ và bà Bùi Thị T hoàn trả cho A số tiền 3.300.000 đồng mà A đã bỏ ra mua bảo hiểm xe cho tài sản thế chấp ngày 18/4/2018 theo Điều 3.1 tại Bản thỏa thuận ngày 24/01/2017.

3. Nếu ông Phạm Minh Đ và bà Bùi Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi toàn bộ nợ, bao gồm: Xe ô tô con, màu đồng, hiệu TOYOTA, số máy: 1TRA198585, số khung: 3EM8G3700472, biển số: 15A-306.12, thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của ông Phạm Minh Đ và bà Bùi Thị T.

Tại các bản tự khai ngày 04 tháng 12 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Phạm Minh Đ và bà Bùi Thị T trình bày:

Ngày 24/01/2017, vợ chồng ông đã ký với A Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số: HAP.CN.483.240117 và Hợp đồng cấp tín dụng số: HAP.CN.484.240117/Khế ước nhận nợ số: 01 (231265969) để vay số tiền là 860.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi triệu đồng chẵn); thời hạn vay: 60 tháng (từ ngày 24/01/2017 đến ngày 24/01/2022); phương thức: Vay dài hạn; mục đích: Mua xe ô tô mới - Để sử dụng và kết hợp kinh doanh/cho thuê – Mua xe ô tô TOYOTA INNOVA V.Model TGN 140L-MUTHKU; Lãi suất vay được quy định: Lãi suất trong hạn: Lãi suất vay: 8,5%/năm, lãi suất vay (ngày): 14,4%/năm, lãi suất vay được cố định trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất vay = $LS13+3,7+X$ (%/năm); lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay này, vợ chồng ông đã ký Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số: HAP.BĐCN.230.240117 ngày 24/01/2017 được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án ngày 24/01/2017, số đơn đăng ký: 1239279929.

Từ ngày vay vốn đến ngày 26/03/2018, vợ chồng ông đã trả được cho A số tiền gốc và lãi là 97.989.921 đồng. Tính đến ngày 27/4/2018 vợ chồng ông còn nợ A số tiền gốc là 780.110.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 19.673.872 đồng, số tiền lãi quá hạn là 97.893.313 đồng, tổng cộng là 897.677.185 đồng và số tiền mà A đã bỏ ra mua bảo hiểm xe cho tài sản thế chấp theo Điều 3.1 tại Bản thỏa thuận ngày 24/01/2017 là 3.300.000 đồng.

Đối với toàn bộ số tiền trên, vợ chồng ông sẽ có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho A. Tuy nhiên, vì điều kiện kinh tế khó khăn, vợ chồng ông đề nghị cho

được trả dần với số tiền là 5.000.000/tháng kể từ tháng 4/2018 và trong thời gian là 06 tháng kể từ ngày 27/4/2018 vợ chồng ông sẽ trả hết toàn bộ số nợ trên cho A. Trường hợp đến thời hạn đó, vợ chồng ông không thanh toán được toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi cho A, vợ chồng ông sẽ bàn giao tài sản bảo đảm là chiếc xe TOYOTA INNOVA V.Model TGN 140L-MUTHKU BKS 15A 306.12 cho A để xử lý thu hồi nợ theo quy định của pháp luật như nội dung đã cam kết trong Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số: HAP.BĐCN.230.240117 ngày 24/01/2017.

Đối với tài sản bảo đảm là chiếc xe TOYOTA INNOVA V.Model TGN 140L-MUTHKU BKS 15A 306.12, Đăng ký xe mang tên ông - Phạm Minh Đ, thuộc quyền sở hữu hợp pháp của vợ chồng ông và không có tranh chấp với ai. Hiện chiếc xe này vợ chồng ông cho bạn ông là Hoàng Đức T, sinh năm 1973, trú tại: Số 514 đường T, quận H, thành phố Hải Phòng mượn để kinh doanh từ tháng 01/2017 ngay sau khi vợ chồng ông mua xe. Việc mượn xe hai bên không ký kết hợp đồng bằng văn bản mà chỉ thỏa thuận miệng, vợ chồng ông không được hưởng lợi nhuận từ việc cho ông T mượn chiếc xe ô tô này. Hàng tháng ông T có trách nhiệm nộp các nghĩa vụ đối với A theo thỏa thuận tại các hợp đồng vợ chồng ông đã ký kết với A. Toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi đã thực hiện theo hợp đồng vay mà vợ chồng ông ký kết với A là do bà C – vợ ông T đến A trả. Ông được biết chiếc xe này hiện ông T đang cho người khác thuê, nhưng không rõ cụ thể là ai. Vợ chồng ông đã nhiều lần yêu cầu ông T mang xe về trả để vợ chồng ông bàn giao cho A xử lý thu hồi nợ, nhưng do hợp đồng ông T đang ký cho người đó thuê chưa hết thời hạn nên ông T chưa thể mang xe về để trả cho vợ chồng ông được.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất được với nhau về số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận. Tuy nhiên, do nguyên đơn không đồng ý với phương án trả nợ của bị đơn, vì nguyên đơn cho rằng bị đơn không đưa ra được bằng chứng chứng minh cho nguyên đơn thấy khả năng trả nợ của bị đơn nên nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân quận Hải An đã tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là chiếc xe TOYOTA INNOVA V.Model TGN 140L-MUTHKU BKS 15A 306.12, Đăng ký xe mang tên Phạm Minh Đ vào các ngày 29 tháng 12 năm 2017 và ngày 12 tháng 01 năm 2018, nhưng do ông Đ và bà T không đưa xe đến để Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ nên Tòa án đã không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ được. Theo văn bản trả lời của Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Hải Phòng và Phòng Cảnh sát Giao thông Đường bộ - Đường sắt Công an thành phố Hải Phòng: Chiếc xe ô tô nói trên chủ xe là Phạm Minh Đ, kiểm định tại Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Hải Phòng ngày 21/01/2017, hạn kiểm định đến 21/07/2019. Hiện do chưa có cơ sở dữ liệu đầy đủ về xử lý vi phạm trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông tại địa phương và toàn quốc nên Phòng Cảnh sát Giao

thông Đường bộ - Đường sắt Công an thành phố Hải Phòng không thể thông tin việc phương tiện vi phạm pháp luật bị xử lý.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trên cơ sở lời trình bày của đương sự tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy: Nguyên đơn và bị đơn ký kết Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số: HAP.CN.483.240117 và Hợp đồng cấp tín dụng số: HAP.CN.484.240117/Khế ước nhận nợ số: 01 (231265969); Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số: HAP.BĐCN.230.240117 ngày 24/01/2017 trên cơ sở tự nguyện và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án ngày 24/01/2017, số đơn đăng ký: 1239279929. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ trước thời hạn. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn xác nhận còn nợ của nguyên đơn số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo hợp đồng và số tiền mà nguyên đơn đã bỏ ra để mua bảo hiểm cho tài sản thế chấp, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

Căn cứ vào các điều 30, 35, 39, 92, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 119, 298, 299, 317, 318 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 16 Điều 4, Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 56 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa cá nhân với tổ chức có đăng ký kinh doanh, có mục đích lợi nhuận là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng bị đơn là ông Phạm Minh Đ và bà Bùi Thị T cùng cư trú tại số nhà 98A K, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông Phạm Minh Đ và bà Bùi Thị T phải thanh toán số tiền gốc và tiền lãi (tính đến ngày xét xử sơ thẩm – ngày 04/6/2018) là 911.387.618 đồng; tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 05/6/2018 đến ngày ông Phạm Minh Đ và bà Bùi Thị T trả hết nợ và số tiền A đã bỏ ra mua bảo hiểm xe cho tài sản thế chấp theo Điều 3.1 tại Bản thỏa thuận ngày 24/01/2017 là 3.300.000 đồng, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số: HAP.CN.483.240117 và Hợp đồng cấp tín dụng số: HAP.CN.484.240117/Khế ước nhận nợ số: 01 (231265969) giữa A - Chi nhánh Hải Phòng với là ông Phạm Minh Đ và bà Bùi Thị T được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội; thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn, mục đích, lãi suất vay, phương thức trả nợ... phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn có quyền thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại Điều 6 của Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số: HAP.CN.483.240117. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất được với nhau về số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng và số tiền mà nguyên đơn đã bỏ ra để mua bảo hiểm cho tài sản thế chấp. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của A về việc buộc ông Phạm Minh Đ và bà Bùi Thị T phải thanh toán cho A số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm – ngày 04/6/2018 số tiền gốc là 780.110.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 19.673.872 đồng, số tiền lãi quá hạn là 111.603.746 đồng, tổng cộng là 911.387.618 đồng; tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 05/6/2018 đến ngày ông Phạm Minh Đ và bà Bùi Thị T trả hết nợ và số tiền A đã bỏ ra mua bảo hiểm xe cho tài sản thế chấp theo Điều 3.1 tại Bản thỏa thuận ngày 24/01/2017 là 3.300.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn là ông Phạm Minh Đ và bà Bùi Thị T không thanh toán được khoản nợ cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Xét Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số: HAP.BĐCN.230.240117 ngày 24/01/2017 được ký giữa A với ông Phạm Minh Đ và bà Bùi Thị T trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối; nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án ngày 24/01/2017, số đơn đăng ký: 1239279929 nên

phát sinh hiệu lực. Các bên đều thừa nhận, tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị đơn, không có tranh chấp với ai; trình tự thủ tục thế chấp tài sản của các bên đúng quy định tại các điều 298, 317, 318 của Bộ luật dân sự năm 2015; Luật các tổ chức tín dụng, Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ và Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Do đó, A yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông Đ và bà T không trả được nợ là phù hợp với quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 56 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có nêu hiện tài sản thế chấp nói trên bị đơn đã cho ông Hoàng Đức T; địa chỉ số 514 đường T, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng mượn để khai thác. Tuy nhiên, qua xác minh tại Công an phường T cho thấy: Đường T không có số nhà 514. Ông Hoàng Đức T có vợ là Từ Thị Kim C; bà C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 214 đường T, tổ dân phố C 1, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng, nhưng bà C và ông T không cư trú tại địa chỉ này, công an phường và gia đình bà C không biết bà C và ông T hiện cư trú ở đâu nên Tòa án không xác định được địa chỉ của ông T và bà C; tại phiên tòa bị đơn lại vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến này của bị đơn. Trường hợp các bên liên quan có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy bị đơn là ông Phạm Minh Đ và bà Bùi Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 30, 35, 39, 92, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 119, 298, 299, 317, 318 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 16 Điều 4, Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các điều 4, 10 và 56 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc là ông Phạm Minh Đ và bà Bùi Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền nợ gốc là 780.110.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 19.673.872 đồng, số tiền lãi quá hạn là 111.603.746 đồng, tổng cộng là 911.387.618 đồng (Bằng chữ: Chín trăm mười một triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm mười tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Buộc ông Phạm Minh Đ và bà Bùi Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền mua bảo hiểm xe cho tài sản thế chấp theo Điều 3.1 tại Bản thỏa thuận ngày 24/01/2017 là 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm nghìn đồng).

3. Trường hợp ông Phạm Minh Đ và bà Bùi Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ nợ, bao gồm: Xe ô tô con, màu đồng, hiệu TOYOTA, số máy: 1TRA198585, số khung: 3EM8G3700472, biển số: 15A-306.12, thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Minh Đ và bà Bùi Thị T.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Minh Đ và bà Bùi Thị T phải nộp 39.440.629 đồng (ba mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi nghìn sáu trăm hai mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần A 18.400.000 đồng (mười tám triệu bốn trăm nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006728 ngày 15 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Minh Đ và bà Bùi Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải An;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS quận Hải An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Bình

